

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN K  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 27/2020/HNGĐ-ST

Ngày 22-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lưu Văn Tỉnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Công Biên

2. Bà Hoàng Thị Chính.

***-Thư ký phiên tòa:*** Bà Phạm Thị Chính-Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

***-Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:*** Bà Lương Quỳnh Trang-Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2020/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2020 về Ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1038/2020/QĐXX-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 1095/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu T; ĐKKHKT: Tổ V1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Tổ H2, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Hoàng Văn T; ĐKKHKT: Tổ V1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; tạm trú: Tổ K1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*- Trong Đơn khởi kiện về việc xin ly hôn ghi ngày 25-6-2020, các Bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu T trình bày:*

Chị kết hôn với anh Hoàng Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 23-7-2014. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại tổ K1, phường T, quận K. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng bình thường, nhưng từ năm 2018 anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do đôi bên không hợp nhau về tính cách, tâm lý và quan điểm sống dẫn đến quan hệ gia đình luôn căng thẳng, thiếu sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Từ đầu năm

2020 chị T đã đưa con chung về nhà mẹ đẻ của chị sinh sống và anh chị đã sống ly thân nhau. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đôi bên chung sống với nhau không có hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Anh chị có một con chung là Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 11-11-2014. Chị T yêu cầu Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh chị tự thực hiện, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn là anh Hoàng Văn T:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh Hoàng Văn T nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp lời khai, quan điểm, ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, nuôi con chung của chị T.

Tại phiên tòa:

Hội đồng xét xử công bố lời khai của chị T có nội dung chị yêu cầu được ly hôn với anh Hoàng Văn T và đề nghị Tòa án giao con chung là Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 11-11-2014 cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung chị T không đề nghị Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử công bố các tài liệu chứng cứ do tòa án thu thập và do đương sự cung cấp, các Biên bản xác minh của chính quyền địa phương nơi chị T và anh T cư trú, Biên bản lấy lời khai của đại diện gia đình chị T đều thể hiện nội dung như chị T trình bày.

Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không tuân thủ đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của bị đơn theo quy định tại 70 và 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung giải quyết: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử: Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị xử cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Hoàng Văn T; về con chung: Đề nghị giao con chung là Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 11-11-2014 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi; việc cấp dưỡng nuôi con chung và tài sản chung, chị T và anh T đều không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét; về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng nhận định:

- Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật có tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Phạm Thị Thu T có Đơn khởi kiện (về việc xin ly hôn) với anh Hoàng Văn T và đề nghị giải quyết việc nuôi con. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Hoàng Văn T là bị đơn trong vụ án có địa chỉ đăng ký thường trú tại tổ V1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; tạm trú tại tổ K1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự: Nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu T có đơn đề nghị xử vắng mặt; bị đơn là anh Hoàng Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

- Về nội dung:

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời khai của các đương sự, căn cứ vào chứng cứ do đương sự cung cấp và các tài liệu, chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định chị Phạm Thị Thu T kết hôn với anh Hoàng Văn T trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường T, quận K, thành phố Hải Phòng ngày 23-7-2014 (Chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2013), đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8 và khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống tại tổ K1, phường T, quận K. Quá trình chung sống vợ chồng vui vẻ hòa thuận được một thời gian, đến năm 2018 anh chị đã xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do đôi bên không hợp nhau về tính cách, tâm lý và quan điểm sống dẫn đến quan hệ gia đình luôn căng thẳng, thiếu sự yêu thương, tôn trọng lẫn nhau. Từ đầu năm 2020 chị T đã đưa con chung về nhà mẹ đẻ của chị sinh sống và anh chị đã sống ly thân nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Thảo và anh T đã căng thẳng, trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T là có căn cứ chấp nhận.

[4] Về việc nuôi con chung: Chị T và anh T có một con chung là Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 11-11-2014. Chị T có nguyện vọng được nuôi con chung đến khi con đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét cháu Hoàng Quỳnh A là con chung duy nhất của chị T và anh Trường. Chị T có sức khỏe tốt, có việc làm và thu nhập ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Hiện cháu Quỳnh A đang ở cùng với chị T và gia đình bố mẹ chị T và cháu được chăm sóc, nuôi dạy

chu đáo. Gia đình chị T cam kết hỗ trợ, giúp đỡ về mọi mặt để tạo điều kiện cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Mặt khác, cháu Hoàng Quỳnh A là con gái, nên giao cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng cho phù hợp với sự phát triển về thể chất và tâm lý giới tính của con chung. Xét nguyện vọng được nuôi con của chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với thực tế nên chấp nhận. Việc cấp dưỡng nuôi con chung chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thu T và anh Hoàng Văn T đều không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu T và anh Hoàng Văn T được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tại phiên tòa là có cơ sở, hoàn toàn phù hợp với các quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 39 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Phạm Thị Thu T được ly hôn anh Hoàng Văn T.

2. Về việc nuôi con chung: Giao con chung là Hoàng Quỳnh A, sinh ngày 11 tháng 11 năm 2014 cho chị Phạm Thị Thu T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác của pháp luật. Việc cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Thu T phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0015019 ngày 09 tháng 7 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Kiến An, thành phố Hải Phòng. Chị Phạm Thị Thu T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thu T và anh Hoàng Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường T;
- Đương sự;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lưu Văn Tĩnh**